

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST

Ngày: 15/11/2019.

“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Bùi Thanh Dương.

2/. Bà Trần Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLST-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXXST - KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SG

Địa chỉ: Số 266-268, đường N, quận X, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông La T V, sinh năm 1979, chức vụ Phó phòng giao dịch thị xã Ngã Năm (Có mặt)

Địa chỉ phòng giao dịch: Số 15 – 16, khu TM, đường MTT, khóm G, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1/ Ông Đỗ V Đ (Đỗ M Đ), sinh năm 1978 (Vắng mặt).

2/ Bà Trần T T H, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ V H (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm V, phường N, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 23/4/2019 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông La T V trình bày:

Vào ngày 05/10/2015 ông Đỗ V Đ, bà Trần T T H có vay của Ngân hàng TMCP SG số tiền 400.000.000 đồng, theo hợp đồng cho vay số LD 1527800375. Thỏa thuận cụ thể như sau: thời hạn trả nợ ngày 29/3/2019; lãi suất vay 03 tháng đầu tiên là 12%/năm, tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 4 kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ 12 tháng lãng lãi cuối kỳ của Ngân hàng + biên độ 5,1%/năm và được Ngân hàng quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh lúa gạo; phương thức trả nợ bên vay trả hết nợ (bao gồm vốn gốc, lãi và chi phí có liên quan) của từng lần nhận tiền vay theo thời hạn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ tương ứng. Ngân hàng được quyền ưu tiên thu nợ các giấy nhận nợ đã quá hạn, đã cơ cấu lại thời gian trả nợ và giấy nhận nợ có ngày đáo hạn đến trước; Kỳ trả lãi: Lãi đóng vào ngày 28 dương lịch hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Đ, bà H đã ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD 1527800375.1 ngày 05/10/2015, ông Đỗ V Đ, bà Trần T T H đã dùng tài sản của mình để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng TMCP SG gồm:

- Quyền sử dụng đất có diện tích 6.400 m², tại thửa đất số 481, tờ bản đồ 07, tọa lạc tại khóm V, phường N, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 792278 do UBND huyện T cấp ngày 16/08/2002 cho ông Đỗ V Đ;

- Quyền sử dụng đất có diện tích 3.900 m², tại thửa đất số 1148, tờ bản đồ 07, tọa lạc tại khóm V, phường N, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 188895 do UBND huyện N (nay là thị xã N) cấp ngày 17/8/2007 cho hộ ông Đỗ M Đ và vợ Trần T T H;

- Quyền sử dụng đất có diện tích 6.750 m², tại thửa đất số 487, tờ bản đồ 07, tọa lạc tại khóm V, phường N, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 437908 do UBND huyện T cấp ngày 15/8/1997 cho hộ ông Đỗ M Đ;

Trong quá trình giao dịch đến ngày 28/3/2019 ông Đ, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán do đó để phát sinh nợ quá hạn, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thương lượng nhưng ông Đ, bà H vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Số tiền mà ông Đ, bà H còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 15/11/2019 là 450.133.333 đồng, trong đó vốn gốc là 400.000.000 đồng, lãi trong hạn 3.733.333 đồng, lãi quá hạn 46.400.000 đồng.

Trong quá trình xét xử, bị đơn ông Đỗ V Đ, bà Trần T T H đều vắng mặt Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho ông Đ, bà H được biết nội

dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông, bà vẫn không có văn bản trình bày ý kiến cung cấp cho Tòa án.

Trong quá trình xét xử, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ V H trình bày:

Hiện nay các thửa đất mà vợ chồng ông Đ, bà H đang thế chấp cho Ngân hàng do ông đang canh tác, lý do ông canh tác là vì vợ chồng ông Đ có thiếu ông một số tiền, tuy nhiên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Trong trường hợp có phát mãi các thửa đất ông đang canh tác thì ông cũng đồng ý giao lại các thửa đất này để Ngân hàng phát mãi thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án có phát sinh yêu cầu độc lập về tranh chấp hợp đồng cổ đất, do vậy cần phải bổ sung thêm quan hệ tranh chấp này. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD 1527800357, ngày 05/10/2015, thì Ngân hàng TMCP SG đã giải ngân cho ông Đỗ V Đ và bà Trần T T H vay số tiền 400.000.000 đồng, nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ, bà H vi phạm nghiêm trọng hợp đồng đã ký kết nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, buộc ông Đ, bà H trả số tiền vốn lãi tính đến ngày 15/11/2019 là 450.133.333 đồng. Trong trường hợp ông Đ, bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền còn nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD 1527800375.1 ngày 05/10/2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa:

Bị đơn ông Đỗ V Đ, bà Trần T T H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ V H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Xét về nội dung vụ án:

Theo hợp đồng tín dụng số LD 1527800375, ngày 05/10/2015, thể hiện ông Đỗ V Đ, bà Trần T T H có vay của Ngân hàng TMCP SG số tiền 400.000.000 đồng. Thỏa thuận cụ thể như sau: thời hạn trả nợ ngày 29/3/2019; lãi suất vay 03 tháng đầu tiên là 12%/năm, tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 4 kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ 12 tháng lẫn lãi cuối kỳ của Ngân hàng + biên độ 5,1%/năm và được Ngân hàng quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh lúa gạo; phương thức trả nợ bên vay trả hết nợ (bao gồm vốn gốc, lãi và chi phí có liên quan) của từng lần nhận tiền vay theo thời hạn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ tương ứng. Ngân hàng được quyền ưu tiên thu nợ các giấy nhận nợ đã quá hạn, đã cơ cấu lại thời gian trả nợ và giấy nhận nợ có ngày đáo hạn đến trước; Kỳ trả lãi: Lãi đóng vào ngày 28 dương lịch hàng tháng.

[3]. Xét thấy, ông Đ và bà H đã nhận toàn bộ số tiền vốn vay 400.000.000 đồng từ Ngân hàng theo Giấy nhận nợ lập ngày 05/10/2015, nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo như các bên đã thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết ngày 05/10/2015. Do ông Đ và bà H đã vi phạm nghiêm trọng hợp đồng, nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà H thanh toán toàn bộ số tiền vốn gốc và tiền lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 25 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Số tiền ông Đ và bà H còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 15/11/2019 (ngày xét xử) là: 450.133.333 đồng, trong đó vốn gốc là 400.000.000 đồng, lãi trong hạn 3.733.333 đồng, lãi quá hạn 46.400.000 đồng.

[4]. Xét về tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất có diện tích 6.400 m², tại thửa đất số 481, tờ bản đồ 07, tọa lạc tại khóm V, phường N, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 792278 do UBND huyện T cấp ngày 16/08/2002 cho ông Đỗ V Đ; Quyền sử dụng đất có diện tích 3.900 m², tại thửa đất số 1148, tờ bản đồ 07, tọa lạc tại khóm V, phường N, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 188895 do UBND huyện N (nay là thị xã N) cấp ngày 17/8/2007 cho hộ ông Đỗ M Đ và vợ Trần T T H; Quyền sử dụng đất có diện tích 6.750 m², tại thửa đất số 487, tờ bản đồ 07, tọa lạc tại khóm V, phường N, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 437908 do UBND huyện T cấp ngày 15/8/1997 cho hộ ông Đỗ M Đ. Ngân hàng TMCP SG cùng ông Đỗ V Đ, bà Trần T T H đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD 1527800375.1 ngày 05/10/2015, có công chứng và đăng ký thế chấp hợp pháp. Nay Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông Đ và bà H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hiện nay các thửa đất này do ông Đỗ V H đang quản lý, sử dụng. Tại biên bản thẩm định ngày 31/5/2019 ông H trình bày: Lý do ông canh tác là vì vợ

chồng ông Đ có thiếu ông một số tiền, tuy nhiên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Trong trường hợp có phát mãi các thửa đất ông đang canh tác thì ông cũng đồng ý giao lại các thửa đất này để Ngân hàng phát mãi thu hồi nợ. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét đối với số tiền mà vợ chồng ông Đ thiếu ông H, nếu sau này ông H có yêu cầu thì có thể giải quyết bằng vụ án khác.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Ông Đ và bà H phải chịu chi phí thẩm định và đo đạc tài sản thế chấp với số tiền là 750.000 đồng. Vì Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước số tiền này để làm thủ tục tố tụng, do vậy phía ông Đ và bà H có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng.

Ông Đ và bà H phải chịu án phí với số tiền là 22.005.333 đồng.

[6]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên có căn cứ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 123, Điều 131, Điều 299, Điều 325, khoản 1, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 167 Luật đất đai;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc ông Đỗ V Đ và bà Trần T T H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP SG số tiền 450.133.333 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu, một trăm ba mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng*). Trong đó vốn gốc là 400.000.000 đồng, lãi trong hạn 3.733.333 đồng, lãi quá hạn 46.400.000 đồng.

Kể từ ngày 16/11/2019 cho đến khi ông Đỗ V Đ và bà Trần T T H thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP SG, thì hàng tháng ông Đ, bà H còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số LD 1527800375, ngày 05/10/2015.

2/ Trường hợp ông Đỗ V Đ và bà Trần T T H không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ, Ngân hàng TMCP SG được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số LD 1527800375.1 ngày 05/10/2015, cụ thể:

- Quyền sử dụng đất có diện tích 6.400 m², tại thửa đất số 481, tờ bản đồ 07, tọa lạc tại khóm V, phường N, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 792278 do UBND huyện T cấp ngày 16/08/2002 cho ông Đỗ V Đ;

- Quyền sử dụng đất có diện tích 3.900 m², tại thửa đất số 1148, tờ bản đồ 07, tọa lạc tại khóm V, phường N, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 188895 do UBND huyện N (nay là thị xã N) cấp ngày 17/8/2007 cho hộ ông Đỗ M Đ và vợ Trần T T H;

- Quyền sử dụng đất có diện tích 6.750 m², tại thửa đất số 487, tờ bản đồ 07, tọa lạc tại khóm V, phường N, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 437908 do UBND huyện T cấp ngày 15/8/1997 cho hộ ông Đỗ M Đ;

Trong trường hợp Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì ông Đỗ V Đ có nghĩa vụ giao trả cho ông Đỗ V Đ, bà Trần T T H phần đất đang quản lý sử dụng tại thửa đất số 481; số 1148; số 487, cùng tờ bản đồ 07, cùng tọa lạc tại khóm V, phường N, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về án phí và chi phí tố tụng:

3.1/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Đỗ V Đ và bà Trần T T H phải chịu số tiền là 22.005.333 đồng (*hai mươi hai triệu, không trăm lẻ năm ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng*).

Ngân hàng TMCP SG không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.178.000 đồng (*Mười triệu, một trăm bảy mươi tám ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0007072, ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3.2/ Về chi phí thẩm định: Ông Đỗ V Đ và bà Trần T T H phải chịu số tiền là 750.000 đồng (*bảy trăm năm mươi ngàn đồng*). Ông Đ và bà H có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng TMCP SG do Ngân hàng đã tạm ứng xong.

4/ Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Anh Tuấn